

— Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng với Bộ Thủy lợi, Bộ Tài chính, Ngân hàng đầu tư và phát triển sắp xếp vốn và danh mục các công trình thủy lợi đầu tư bằng vốn vay nước ngoài, cân đối vốn đầu tư trong nước với vốn nước ngoài, vốn trả nợ để đưa vào kế hoạch hàng năm và kế hoạch dài hạn trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt.

— Ngân hàng Nhà nước theo dõi việc nhận vốn vay, lịch trả nợ, định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tình hình vay và trả nợ.

— Bộ Tài chính theo dõi việc nhận vốn vay vào ngân sách Nhà nước, cấp vốn cho công trình thủy lợi theo kế hoạch được duyệt hoặc chuyển vốn sang Ngân hàng đầu tư và phát triển để cho vay.

Bộ Tài chính cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Bộ Thủy lợi bố trí vốn và kế hoạch trả nợ hàng năm trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt và thực hiện trả nợ với nước ngoài.

— Ngân hàng đầu tư và phát triển được trực tiếp nhận vốn vay với nước ngoài hoặc nhận vốn vay qua Ngân sách Nhà nước để làm nguồn vốn tín dụng đầu tư. Tổ chức cho vay và thu hồi vốn đầu tư để trả nợ nước ngoài hoặc chuyển vốn cho Bộ Tài chính trả nợ.

— Bộ Thủy lợi phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, các ngành liên quan xác định mục tiêu, bố trí vốn và danh mục các công trình thủy lợi thuộc vốn vay nước ngoài trong cả nước vào kế hoạch đầu tư để trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét.

Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, Bộ Thủy lợi chuẩn bị nội dung kinh tế — kỹ thuật của các dự án đầu tư, phối hợp với các ngành liên quan tìm nguồn vay và tham gia đàm phán với bên cho vay theo từng dự án; đồng thời, phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư

và phát triển xác định những hạng mục đầu tư bằng vốn ngân sách và bằng vốn tín dụng đầu tư trong từng dự án.

Trong quá trình nhận vốn và thi công công trình, Bộ Thủy lợi có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, quản lý về kỹ thuật chuyên ngành và vốn đầu tư, báo cáo quyết toán công trình theo quy định hiện hành.

Điều 5. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bộ Thủy lợi, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và phát triển hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 6. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Quyết định này.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

**LAO ĐỘNG — THƯƠNG BINH VÀ
XÃ HỘI — TÀI CHÍNH**

THÔNG TƯ Liên Bộ số 2-TT/LB
ngày 5-3-1991 hướng dẫn việc
giải quyết chính sách đối với
lao động khi giải thể xí nghiệp
quốc doanh.

Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành «Quy định một số điểm cơ bản về thủ tục giải thể xí nghiệp quốc doanh bị thua lỗ nghiêm trọng» (kèm theo quyết định số 315-HĐBT ngày 1-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất kinh doanh trong đơn vị kinh tế quốc doanh); Bộ Lao động — Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về việc giải quyết chính sách cho người lao động như sau:

I. — PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI MÀ XÍ NGHIỆP CÒN NỢ, PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG.

1. Xác định tiền lương và bảo hiểm xã hội còn nợ người lao động.

a) Đối tượng được xác định thuộc diện xí nghiệp nợ lương và bảo hiểm xã hội bao gồm:

— Những người đang thực sự làm việc cho xí nghiệp ở thời điểm tuyên bố giải thể (kể cả lao động hợp đồng chưa chấm dứt hợp đồng lao động nếu có).

— Những người nguyên là cán bộ, công nhân của xí nghiệp nhưng đang nghỉ việc vì ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nghỉ chế độ trước khi về hưu, mất sức lao động, nghỉ phép năm, tạm giam giữ hoặc đình chỉ công tác có hưởng lương, tạm ngừng việc vì lý do khách quan có hưởng lương hoặc trợ cấp.

Đối với những người mà xí nghiệp đã bố trí ngừng và nghỉ việc không hưởng lương, trợ cấp; lao động thời việc trước thời điểm giải thể xí nghiệp thì không thuộc diện xí nghiệp nợ tiền lương.

b) Thời gian xí nghiệp nợ lương và bảo hiểm xã hội được tính từ thời điểm xí nghiệp chưa trả tiền lương, bảo hiểm xã hội cho người lao động đến ngày có quyết định giải thể xí nghiệp.

c) Tiền lương và bảo hiểm xã hội mà xí nghiệp còn nợ người lao động là tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) tính toán theo thông số quy định tại Quyết định số 202-HĐBT ngày 26-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 1-TT/LB ngày 12-1-1989 của Liên Bộ Lao động — Thương binh và Xã hội — Tài chính.

d) Chế độ bảo hiểm xã hội được tính theo các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước. Ngoài tiền lương và bảo hiểm xã hội phải chi trả cho người lao động như trên, xí nghiệp còn phải trích nộp đủ các khoản bảo hiểm xã hội tương ứng

theo quy định hiện hành cho đến khi có quyết định giải thể.

2. Chi trả tiền lương và bảo hiểm xã hội mà xí nghiệp còn nợ người lao động.

Trên cơ sở xác định tiền lương và bảo hiểm xã hội xí nghiệp còn phải trả cho người lao động, căn cứ vào nguồn vốn hiện có, Hội đồng giải thể xí nghiệp ưu tiên chi trả số nợ về tiền lương, bảo hiểm xã hội cho người lao động; việc chi trả và quyết toán với Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

II. — CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG SAU KHI CÓ QUYẾT ĐỊNH GIẢI THỂ XÍ NGHIỆP.

Khi xí nghiệp có quyết định giải thể, chính sách và chế độ đối với người lao động được giải quyết như sau:

1. Người lao động được chuyển chuyên công tác, hoặc đi đào tạo.

— Người lao động bị mất việc làm do xí nghiệp giải thể, thủ trưởng các ngành và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các địa phương có thể điều chỉnh trong phạm vi ngành và địa phương mình đối với số công nhân trẻ, khỏe, có trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao mà ở xí nghiệp khác có nhu cầu sử dụng.

— Đối với những trường hợp khác, nếu cần tìm việc làm mới thì đến ghi tên tại cơ quan quản lý lao động địa phương, hoặc các trung tâm đào tạo và giới thiệu việc làm (nếu có), để xem xét ưu tiên đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp để có thể bố trí việc làm trong các xí nghiệp quốc doanh khác (nếu có nhu cầu) hoặc trong các thành phần kinh tế khác.

2. Giải quyết chính sách cho người lao động theo Quyết định số 176-HĐBT ngày 9-10-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

— Ngoài số lao động được chuyển chuyên hoặc đi đào tạo, số còn lại được giải quyết chính sách theo chế độ quy định tại Quyết định số 176-HĐBT ngày

9-10-1989 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 18 và số 19-LĐTĐXH/TT ngày 21-10-1989 của Bộ Lao động — Thương binh và Xã hội.

— Hội đồng giải thể xí nghiệp lập bảng kê số lao động, phân loại đối tượng để giải quyết chính sách và chế độ như sau:

+ Đối tượng lao động đủ điều kiện về hưu hoặc mất sức lao động thì giải quyết chính sách về hưu hoặc mất sức lao động theo Quyết định số 176-HĐBT.

+ Đối tượng lao động không đủ điều kiện về hưu hoặc mất sức lao động thì giải quyết chế độ thôi việc hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 176-HĐBT.

3. Kinh phí chi trả cho người lao động khi xí nghiệp giải thể.

— Trên cơ sở số người được xác định là đối tượng giải quyết theo quyết định số 176-HĐBT, Hội đồng giải thể xí nghiệp tính toán số tiền phải trả cho công nhân, viên chức.

— Hội đồng giải thể xí nghiệp sử dụng nguồn vốn thanh toán còn lại sau khi trừ các khoản chi cần thiết theo điều 14 của bản quy định ban hành kèm theo quyết định 315-HĐBT ngày 1 tháng 9 năm 1990 của xí nghiệp để tiến hành chi trả cho người lao động.

— Trường hợp nguồn vốn thanh toán còn lại của xí nghiệp không đủ để chi trả cho người lao động, Hội đồng giải thể xí nghiệp lên phương án xin cấp kinh phí hỗ trợ gửi Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh (đối với xí nghiệp địa phương) hoặc Bộ trưởng Bộ chủ quản (đối với xí nghiệp Trung ương), đồng gửi cơ quan Lao động — Tài chính cùng cấp để xem xét giải quyết. Xí nghiệp do cấp nào giải thể, ngân sách cấp ấy giải quyết nguồn kinh phí hỗ trợ hợp lý để

chi cho mục đích này theo hướng dẫn của Nhà nước.

— Trường hợp sau khi chi trả xong cho người lao động mà nguồn vốn thanh toán của xí nghiệp vẫn còn dư thì phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn tại Thông tư số 54/TC-CN ngày 13-11-1990 của Bộ Tài chính.

— Toàn bộ chứng từ thực hiện chi trả cho người lao động, Hội đồng giải thể xí nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, quyết toán số chi này với cơ quan Tài chính.

III. — TỜ CHỨC THỰC HIỆN

— Việc giải quyết chính sách đối với lao động khi giải thể xí nghiệp quốc doanh là một vấn đề kinh tế — xã hội phức tạp, vì vậy đề nghị các Bộ, Ủy ban Nhân dân các địa phương tổ chức triển khai và chỉ đạo chặt chẽ Quyết định này. Sở lao động — Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính cần tăng cường phối hợp để tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trong việc chỉ đạo và triển khai thực hiện.

— Các đơn vị được xếp loại giải thể cần hoàn chỉnh hồ sơ chứng từ để thuận tiện cho việc làm thủ tục khi có quyết định giải thể.

— Hội đồng giải thể xí nghiệp có trách nhiệm từ khâu đầu đến kết thúc trong quá trình giải thể xí nghiệp và báo cáo toàn bộ kết quả với Nhà nước.

— Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh về Liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

Bộ trưởng
Bộ Tài chính

HOÀNG QUY

Bộ trưởng
Bộ Lao động—Thương
binh và Xã hội

TRẦN ĐÌNH HOAN